



Số: 00738/2026/PKQ (KT/2603.230-231)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

Địa chỉ: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa điểm quan trắc: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Tên mẫu	KT/2603.230 - KT3: Khí thải tại hệ thống xử lý bóng đèn KT/2603.232 - KT7: Khí thải từ hệ thống thu hồi, tái chế kim loại quý ống thải 01 KT/2603.231 - KT5: Khí thải từ hệ thống tái chế nhôm
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	15/03/2026
Thời gian thử nghiệm	16/03/2026 – 10/04/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 19: 2009/ BTNMT
				KT/26 03.230	KT/26 03.232	KT/26 03.231	Cột B Cmax
1	Bụi tổng <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 5	5,2 (LOQ=9)	<3,0	<3,0	200
2	Antimon và hợp chất, tính theo Sb <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	-	0,0024 (LOQ=0,0045)	10
3	Asen và các hợp chất, tính theo As <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	<0,0005	<0,0005	10
4	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	<0,0001	<0,0001	5
5	Chì và hợp chất, tính theo Pb <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	0,0006 (LOQ=0,0015)	0,0007 (LOQ=0,0015)	5
6	Carbon oxit, CO <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	HDPP/HT/KT/06	-	KPH	454,2	1.000
7	Đồng và hợp chất, tính theo Cu <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	0,0019	0,0015 (LOQ=0,0015)	10
8	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA method 29	-	<0,0050	0,12	30
9	Axit clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 26A	-	KPH	KPH	50
10	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	HDPP/HT/KT/06	-	KPH	KPH	500
11	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	HDPP/HT/KT/06	-	1,9	98	850
12	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , tính theo SO <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 8	-	KPH	-	50

### Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

510.01.10 Lần ban hành:01 Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



- *Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:*
    - + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
    - + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$       $K_p=1, K_v=1,0$ ;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
  - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
  - Dấu (-): là không quy định;
  - KPH: không phát hiện;
  - <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 087;
  - Chỉ tiêu số 9, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Phú Cường

Nguyễn Thanh Bình

TS. Phạm Huy Đông  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN  
HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM  
S.Đ.K.K.K. 0016-K.H.C.N  
H. HOÀN KIỆN TP. HÀ NỘI



1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm